(Mẫu số 02/QĐ-CKNS ban hành kèm theo thông tư số 61/2017/TT-BTC
Ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

PHÒNG GD& ĐT THỊ XÃ BẾN CÁT
TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 42 /QĐ-TH

Chánh Phú Hoà, ngày 25 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Trường TH Chánh Phú Hoà

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của Nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của trường tiểu học Chánh Phú Hoà (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Kế hoạch tài vụ và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- PGD& ĐT TX Bến Cát
- Lưu TC- VT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Trường TH Chánh Phú Hòa

Chương: 622; Loại : 490

CÔNG KHAI

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC

NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2031 /QĐ-PGDĐ ngày 24/12/2021 của PGDĐT thị xã Bến Cát)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Biên chế : 54; Hợp đồng NĐ68 : 04

Số học sinh : 1.988

Số lớp : 40 lớp

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**9.425.511.364**
	Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo	9.425.511.364
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên năm 2022	
1.1	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ***	***7.194.112.579***
	Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương	4.171.629.459
	Bổ sung chênh lệch lương tiểu thiểu	
	Hoạt động thường xuyên, sửa chữa thường xuyên	2.108.250.000
	Các khoản đóng góp	914.233.120
	10% tiết kiệm thực hiện điều chỉnh tiền lương	
1.2	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ***	***2.231.398.785***
	Tiền Thừa giờ	911.486.216
	PC theo QĐ 58/2014 (Hỗ trợ cho GV dạy lớp có 42 hs trở lên)	900.000.000
	Tiền tết năm 2022	112.000.000
	Nghị quyết 07 (HT 30% GV không đứng lớp)	105.885.360
	Ngày 20/11	11.200.000
	Chi khác (NVBV, NVPV, Trang phục Bảo vệ....)	190.827.209

Chánh Phú Hòa, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Loan

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

PHÒNG GD-ĐT TX. BẾN CÁT
TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 50/QĐ-THCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Phòng Kế hoạch tài vụ và các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGDĐT TX Bến Cát;
- Lưu VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

6704	Khoán công tác phí	12,000,000	3,000,000		
	Chi phí thuê mướn	203,690,000			
6751	Thuê phương tiện vận chuyển khác	20,000,000			
6757	Thuê lao động trong nước	66,690,000	16,672,500		
6758	Thuê đào tạo				
6799	Chi phí thuê mướn khác	117,000,000	19,500,000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	338,498,000			
6907	Nhà cửa	110,000,000			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	50,000,000			
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	30,000,000			
6921	Đường điện, đường nước	70,000,000			
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	78,498,000	17,075,000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	311,510,000	-		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	162,000,000			
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	3,930,000			
7012	Sách, tài liệu chuyên môn				
7049	Chi khác	145,580,000			
	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin				
	Chi khác	111,000,000			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		426,800		
7757	Bảo hiểm cháy nổ	45,000,000			
7761	Tiếp khách				
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ quy định	16,000,000			
7799	Chi các khoản khác	50,000,000	18,000,000		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	600,000			
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	600,000			
3.2	**Kinh phí không thường xuyên**	**2,231,398,785**	**152,605,570**	**7%**	**7%**

	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	5,400,000			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	5,400,000			
	Các khoản đóng góp		-		
6301	Bảo hiểm xã hội				
6302	Bảo hiểm y tế				
6303	Kinh phí công đoàn				
6304	Bảo hiểm thất nghiệp				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	2,004,423,576	32,505,570		
6449	Chi khác	2,004,423,576	32,505,570		
	Thuê mướn	50,000,000	-		
6757	Thuê lao động trong nước				
6758	Đào tạo	50,000,000			
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngà	1,200,000			
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1,200,000			
	Chi khác	58,375,209	8,100,000		
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp	58,375,209	8,100,000		
	Chi khác	112,000,000	112,000,000		
7799	Chi khác	112,000,000	112,000,000		
	Chi hỗ trơ khác				
	Cấp bù học phí				
C	**Tổng số thu, chi nguồn thu khác**	-			
	Học phí				
	Canteen, giữ xe				
	Cộng	**9,425,511,364**	**1,664,439,637**		

Chánh Phú Hòa, ngày 17 tháng 4 năm 2022

Lập biểu

Nguyễn Thanh Loan

Thủ trưởng đơn vị

Huỳnh Thị Kim Hoa

PHÒNG GD-ĐT TX. BẾN CÁT
TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 80/QĐ-THCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 05 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 2 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 2 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Phòng Kế hoạch tài vụ và các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGDĐT TX Bến Cát;
- Lưu VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chánh Phú Hòa, ngày 17 tháng 7 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2022
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Chánh Phú Hòa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2022 như sau

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	**Số thu phí, lệ phí**	-			
II	**Chi từ nguồn thu học phí được để lại**	-	-		
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**9,425,511,364**	**1,927,106,414**	*20%*	*29%*
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề				
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**7,194,112,579**	**1,872,975,844**	*26%*	*104%*
	I. Kinh phí thường xuyên	**7,194,112,579**	**1,872,975,844**		
	Tiền lương	2,935,912,263			
6001	Lương theo ngạch, bậc	2,166,169,263	685,012,600		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	159,120,000			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	159,120,000	39,780,000		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	610,623,000			
6757	Chi phí thuê mướn	610,623,000			
	Tiền công trả cho GVHĐ ngắn hạn	610,623,000	177,242,000		
	Phụ cấp	1,235,717,196			
6101	Phụ cấp chức vụ	67,944,000	16,986,000		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm				

6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	799,788,492	203,224,721		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	7,152,000	1,788,000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	360,832,704	90,575,177		
	Phúc lợi tập thể	-	-		
6299	Chi khác				
	Các khoản đóng góp	914,233,120			
6301	Bảo hiểm xã hội	680,811,898	176,679,262		
6302	Bảo hiểm y tế	116,710,611	30,463,391		
6303	Kinh phí công đoàn	77,807,074	20,191,915		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	38,903,537	9,920,438		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	25,000,000			
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ				
6449	Chi khác	25,000,000	64,918,000		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	547,800,000			
6501	Tiền điện	480,000,000	71,495,440		
6502	Nước sinh hoạt	3,000,000			
6504	Rác sinh hoạt	64,800,000			
	Vật tư văn phòng	348,000,000			
6551	Văn phòng phẩm	108,000,000	15,727,400		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	120,000,000	29,010,000		
6599	Vật tư văn phòng khác	120,000,000	62,090,400		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	25,152,000			
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	2,400,000	132,000		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	17,952,000	6,160,000		
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện				
6618	Khoán điện thoại	4,800,000	1,200,000		
6649	Khác				
	Công tác phí	197,000,000			
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	90,000,000			
6702	Phụ cấp công tác phí	80,000,000			

6703	Thuê phòng nghỉ	15,000,000			
6704	Khoán công tác phí	12,000,000	3,000,000		
	Chi phí thuê mướn	203,690,000			
6751	Thuê phương tiện vận chuyển khác	20,000,000			
6757	Thuê lao động trong nước	66,690,000	16,672,500		
6758	Thuê đào tạo	-			
6799	Chi phí thuê mướn khác	117,000,000	36,100,000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	338,498,000			
6907	Nhà cửa	110,000,000			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	50,000,000	10,140,000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	30,000,000	918,000		
6921	Đường điện, đường nước	70,000,000	32,070,000		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	78,498,000	13,300,000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	311,510,000			
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	162,000,000			
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	3,930,000			
7012	Sách, tài liệu chuyên môn				
7049	Chi khác	145,580,000	23,440,600		
	Mua sắm tài sản vô hình	-			
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		19,120,000		
	Chi khác	111,000,000			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		418,000		
7757	Bảo hiểm cháy nổ	45,000,000			
7761	Tiếp khách				
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ quy định	16,000,000	15,200,000		
7799	Chi các khoản khác	50,000,000			
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	600,000			
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	600,000			

3.2	**Kinh phí không thường xuyên**	**2,231,398,785**	**54,130,570**	**2%**	**2%**
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	5,400,000			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	5,400,000			
	Các khoản đóng góp		-		
6301	Bảo hiểm xã hội				
6302	Bảo hiểm y tế				
6303	Kinh phí công đoàn				
6304	Bảo hiểm thất nghiệp				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	2,004,423,576			
6449	Chi khác	2,004,423,576	32,505,570		
	Thuê mướn	50,000,000	-		
6757	Thuê lao động trong nước				
6758	Đào tạo	50,000,000			
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngà	1,200,000			
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1,200,000			
	Chi khác	58,375,209			
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp	58,375,209	21,625,000		
	Chi khác	112,000,000	-		
7799	Chi khác	112,000,000			
	Chi hỗ trơ khác				
	Cấp bù học phí				
C	**Tổng số thu, chi nguồn thu khác**	-			
	Học phí				
	Canteen, giữ xe				
	Cộng	**9,425,511,364**	**1,927,106,414**		

Chánh Phú Hòa, ngày 17 tháng 7 năm 2022

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Nguyễn Thanh Loan

Huỳnh Thị Kim Hoa

PHÒNG GD-ĐT TX. BẾN CÁT
TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :101/QĐ-THCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 3 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Phòng Kế hoạch tài vụ và các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGDĐT TX Bến Cát;
- Lưu VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chánh Phú Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Chánh Phú Hòa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2022 như sau

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	**Số thu phí, lệ phí**	-			
II	**Chi từ nguồn thu học phí được để lại**	-	-		
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**9,425,511,364**	**1,647,584,902**	*17%*	*25%*
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề				
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**7,194,112,579**	**1,575,931,332**	*22%*	*87%*
	I. Kinh phí thường xuyên	**7,194,112,579**	**1,575,931,332**		
	Tiền lương	2,935,912,263			
6001	Lương theo ngạch, bậc	2,166,169,263	690,048,800		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	159,120,000			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	159,120,000	42,120,000		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	610,623,000			
6757	Chi phí thuê mướn	610,623,000			
	Tiền công trả cho GVHĐ ngắn hạn	610,623,000			
	Phụ cấp	1,235,717,196			
6101	Phụ cấp chức vụ	67,944,000	17,433,000		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm				

6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	799,788,492	207,790,826		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	7,152,000	1,788,000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	360,832,704	91,859,584		
	Phúc lợi tập thể	-	-		
6299	Chi khác				
	Các khoản đóng góp	914,233,120			
6301	Bảo hiểm xã hội	680,811,898	147,261,700		
6302	Bảo hiểm y tế	116,710,611	25,244,863		
6303	Kinh phí công đoàn	77,807,074	16,829,908		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	38,903,537	8,414,953		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	25,000,000			
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ				
6449	Chi khác	25,000,000	66,418,000		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	547,800,000			
6501	Tiền điện	480,000,000	52,554,708		
6502	Nước sinh hoạt	3,000,000			
6504	Rác sinh hoạt	64,800,000			
	Vật tư văn phòng	348,000,000			
6551	Văn phòng phẩm	108,000,000	8,551,000		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	120,000,000	17,260,000		
6599	Vật tư văn phòng khác	120,000,000	35,715,400		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	25,152,000			
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	2,400,000	66,000		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	17,952,000	5,346,000		
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện				
6618	Khoán điện thoại	4,800,000	1,200,000		
6649	Khác				
	Công tác phí	197,000,000			
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	90,000,000			
6702	Phụ cấp công tác phí	80,000,000			

6703	Thuê phòng nghỉ	15,000,000			
6704	Khoán công tác phí	12,000,000	3,000,000		
	Chi phí thuê mướn	203,690,000			
6751	Thuê phương tiện vận chuyển khác	20,000,000			
6757	Thuê lao động trong nước	66,690,000	17,339,400		
6758	Thuê đào tạo				
6799	Chi phí thuê mướn khác	117,000,000	17,000,000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	338,498,000			
6907	Nhà cửa	110,000,000			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	50,000,000	1,380,000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	30,000,000	13,145,352		
6921	Đường điện, đường nước	70,000,000	19,035,000		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	78,498,000	19,300,000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	311,510,000			
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	162,000,000	3,733,000		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	3,930,000			
7012	Sách, tài liệu chuyên môn				
7049	Chi khác	145,580,000	27,216,000		
	Mua sắm tài sản vô hình	-			
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		660,000		
	Chi khác	111,000,000			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		378,400		
7757	Bảo hiểm cháy nổ	45,000,000			
7761	Tiếp khách				
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ quy định	16,000,000			
7799	Chi các khoản khác	50,000,000	17,841,438		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	600,000			
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	600,000			

3.2	**Kinh phí không thường xuyên**	**2,231,398,785**	**71,653,570**	**3%**	**3%**
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	5,400,000			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	5,400,000			
	Các khoản đóng góp		-		
6301	Bảo hiểm xã hội				
6302	Bảo hiểm y tế				
6303	Kinh phí công đoàn				
6304	Bảo hiểm thất nghiệp				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	2,004,423,576			
6449	Chi khác	2,004,423,576	70,053,570		
	Thuê mướn	50,000,000	-		
6757	Thuê lao động trong nước				
6758	Đào tạo	50,000,000	1,600,000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngà	1,200,000			
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1,200,000			
	Chi khác	58,375,209			
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp	58,375,209			
	Chi khác	112,000,000	-		
7799	Chi khác	112,000,000			
	Chi hỗ trơ khác				
	Cấp bù học phí				
C	**Tổng số thu, chi nguồn thu khác**	-			
	Học phí				
	Canteen, giữ xe				
	Cộng	**9,425,511,364**	**1,647,584,902**		

Lập biểu

Nguyễn Thanh Loan

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

PHÒNG GD-ĐT TX. BẾN CÁT
TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :201/QĐ-THCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 16 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 4 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 4 năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Phòng Kế hoạch tài vụ và các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGDĐT TX Bến Cát;
- Lưu VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chánh Phú Hòa, ngày 17 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Chánh Phú Hòa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	**Số thu phí, lệ phí**	-			
II	**Chi từ nguồn thu học phí được để lại**	-	-		
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**9,425,511,364**	**4,235,159,544**	*45%*	*35%*
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề				
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**7,194,112,579**	**2,763,494,182**	*38%*	*153%*
	I. Kinh phí thường xuyên	**7,194,112,579**	**2,763,494,182**		
	Tiền lương	2,935,912,263			
6001	Lương theo ngạch, bậc	2,166,169,263	722,828,801		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	159,120,000			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	159,120,000	70,200,000		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	610,623,000			
6757	Chi phí thuê mướn	610,623,000			
	Tiền công trả cho GVHĐ ngắn hạn	610,623,000	298,490,400		
	Phụ cấp	1,235,717,196			
6101	Phụ cấp chức vụ	67,944,000	18,327,000		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm				
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	799,788,492	228,992,632		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	7,152,000	7,152,000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	360,832,704	107,280,365		
	Phúc lợi tập thể	-	-		
6299	Chi khác				

	Các khoản đóng góp	914,233,120			
6301	Bảo hiểm xã hội	680,811,898	136,444,255		
6302	Bảo hiểm y tế	116,710,611	23,888,014		
6303	Kinh phí công đoàn	77,807,074	15,655,343		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	38,903,537	7,962,672		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	25,000,000			
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		384,205,000		
6449	Chi khác	25,000,000	19,250,800		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	547,800,000			
6501	Tiền điện	480,000,000	102,665,012		
6502	Nước sinh hoạt	3,000,000			
6504	Rác sinh hoạt	64,800,000			
	Vật tư văn phòng	348,000,000			
6551	Văn phòng phẩm	108,000,000	13,738,000		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	120,000,000			
6599	Vật tư văn phòng khác	120,000,000	127,039,400		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	25,152,000			
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	2,400,000	66,000		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	17,952,000	3,630,000		
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện				
6618	Khoán điện thoại	4,800,000	1,200,000		
6649	Khác				
	Công tác phí	197,000,000			
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	90,000,000	16,535,537		
6702	Phụ cấp công tác phí	80,000,000	6,690,000		
6703	Thuê phòng nghỉ	15,000,000	2,200,000		
6704	Khoán công tác phí	12,000,000	3,000,000		
	Chi phí thuê mướn	203,690,000			
6751	Thuê phương tiện vận chuyển khác	20,000,000			
6757	Thuê lao động trong nước	66,690,000	17,339,400		
6758	Thuê đào tạo				
6799	Chi phí thuê mướn khác	117,000,000	101,000,000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	338,498,000			

6907	Nhà cửa	110,000,000			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	50,000,000	8,840,001		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	30,000,000	15,959,000		
6921	Đường điện, đường nước	70,000,000	38,429,000		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	78,498,000	37,753,000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	311,510,000	8,742,800		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	162,000,000	31,512,000		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	3,930,000	3,150,000		
7012	Sách, tài liệu chuyên môn				
7049	Chi khác	145,580,000	144,983,800		
	Mua sắm tài sản vô hình	-			
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		4,445,000		
	Chi khác	111,000,000			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		3,382,000		
7757	Bảo hiểm cháy nổ	45,000,000	29,916,950		
7761	Tiếp khách				
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ quy định	16,000,000			
7799	Chi các khoản khác	50,000,000			
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	600,000			
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	600,000	600,000		
3.2	**Kinh phí không thường xuyên**	**2,231,398,785**	**1,471,665,362**	**66%**	**66%**
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	5,400,000			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	5,400,000			
	Các khoản đóng góp				
6301	Bảo hiểm xã hội		64,780,625		
6302	Bảo hiểm y tế		11,105,250		
6303	Kinh phí công đoàn		7,403,500		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		3,701,750		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	2,004,423,576			
6449	Chi khác	2,004,423,576	1,001,724,624		
	Thuê mướn	50,000,000			
6757	Thuê lao động trong nước		370,175,000		
6758	Đào tạo	50,000,000	9,354,613		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngà	1,200,000			

7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1,200,000			
	Chi khác	58,375,209			
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp	58,375,209			
	Chi khác	112,000,000			
7799	Chi khác	112,000,000	3,420,000		
	Chi hỗ trợ khác				
	Cấp bù học phí				
C	**Tổng số thu, chi nguồn thu khác**	**54,000,000**	**25,380,000**		
	Học phí				
	Canteen, giữ xe	**54,000,000**	**25,380,000**		
	Cộng	**9,479,511,364**	**4,260,539,544**		

Lập biểu

Nguyễn Thanh Loan

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

PHÒNG GD-ĐT TX. BẾN CÁT
TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HOÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 07/QĐ-THCPH

Chánh Phú Hoà, ngày 15 tháng 1 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hoà

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HOÀ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào tình hình thu chi ngân sách của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường Tiểu học Chánh Phú Hoà (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Phòng Kế hoạch tài vụ và các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- PGDĐT TX Bến Cát;
- Lưu VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TX. BẾN CÁT T. BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG TH CHÁNH PHÚ HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chánh Phú Hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Chánh Phú Hòa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	**Số thu phí, lệ phí**	-			
II	**Chi từ nguồn thu học phí được để lại**	-	-		
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	**9.429.348.433**	**9.029.860.797**	*96%*	*90%*
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề				
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**7.212.778.102**	**7.279.805.725**	*101%*	*97%*
	I. Kinh phí thường xuyên	**7.212.778.102**	**7.279.805.725**		
	Tiền lương	3.261.321.591			
6001	Lương theo ngạch, bậc	2.819.529.591	2.725.344.101		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	193.986.000			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	193.986.000	191.880.000		
	Tiền công trả cho GVHĐ ngắn hạn	247.806.000			
6757	Chi phí thuê mướn	247.806.000	242.658.000		
	Phụ cấp	1.295.013.077			
6101	Phụ cấp chức vụ	69.732.000	69.732.000		
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm				
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	838.972.840	836.785.670		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12.516.000	12.516.000		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	373.792.237	370.861.315		
	Phúc lợi tập thể	-	-		
6299	Chi khác				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Các khoản đóng góp	851.445.739			
6301	Bảo hiểm xã hội	634.055.337	630.990.058		
6302	Bảo hiểm y tế	108.695.201	108.345.240		
6303	Kinh phí công đoàn	72.463.467	72.113.147		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	36.231.734	35.881.054		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	19.250.800			
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		515.541.000		
6449	Chi khác	19.250.800	19.250.800		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	547.800.000			
6501	Tiền điện	480.000.000	258.678.062		
6502	Nước sinh hoạt	3.000.000			
6504	Rác sinh hoạt	64.800.000			
	Vật tư văn phòng	252.000.000			
6551	Văn phòng phẩm	96.000.000	38.016.400		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	84.000.000	46.270.000		
6599	Vật tư văn phòng khác	72.000.000	243.961.200		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	25.152.000			
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	2.400.000	264.000		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	17.952.000	17.952.000		
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện				
6618	Khoán điện thoại	4.800.000	4.800.000		
6649	Khác				
	Công tác phí	142.000.000			
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	50.000.000	16.535.537		
6702	Phụ cấp công tác phí	70.000.000	6.690.000		
6703	Thuê phòng nghỉ	10.000.000	2.200.000		
6704	Khoán công tác phí	12.000.000	12.000.000		
	Chi phí thuê mướn	198.357.600			
6751	Thuê phương tiện vận chuyển khác	12.000.000			
6757	Thuê lao động trong nước	69.357.600	73.171.800		
6758	Thuê đào tạo				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6799	Chi phí thuê mướn khác	117.000.000	173.600.000		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	264.262.296			
6907	Nhà cửa	50.000.000			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	40.000.000	20.360.001		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	20.000.000	30.022.352		
6921	Đường điện, đường nước	70.000.000	89.534.000		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	84.262 296	87.428.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	228.770.000			
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	72.000.000	35.245.000		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	3.930.000	3.150.000		
7012	Sách, tài liệu chuyên môn				
7049	Chi khác	152.840.000	195.640.400		
	Mua sắm tài sản vô hình	15.405.000			
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	15.405.000	24.225.000		
	Chi khác	111.400.000			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		4.605.200		
7757	Bảo hiểm cháy nổ	45.000.000	29.916.950		
7761	Tiếp khách				
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo chế độ quy định	16.400.000	15.200.000		
7799	Chi các khoản khác	50.000.000	17.841.438		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	600.000			
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	600.000	600.000		
3.2	**Kinh phí không thường xuyên**	**2.216.570.331**	**1.750.055.072**	**79%**	**69%**
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	12.000.000			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12.000.000			
	Các khoản đóng góp	86.991.125			
6301	Bảo hiểm xã hội	64.780.625	64.780.625		
6302	Bảo hiểm y tế	11.105.250	11.105.250		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6303	Kinh phí công đoàn	7.403.500	7.403.500		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	3.701.750	3.701.750		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.163.008.997			
6449	Chi khác	1.163.008.997	1.136.789.334		
	Vật tư văn phòng	267.175.209			
6552	Chi mua bàn ghế bán trú (72 bộ)	208.800.000			
6599	Chi mua vật tư trang thiết bị phòng chống dịch Covid 19	58.375.209			
	Thuê mướn	395.175.000			
6757	Thuê lao động trong nước (GVHĐ ngắn hạn)	370.175.000	370.175.000		
6758	Đào tạo	25.000.000	10.954.613		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	175.000.000			
6956	Màn chiếu, máy chiếu, khung treo (07 bộ)	175.000.000			
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	1.800.000			
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1.800.000			
	Chi khác	115.420.000			
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ, dịch bệnh cho các đơn vị dự toán và cho các doanh nghiệp		29.725.000		
7799	Chi khác	115.420.000	115.420.000		
	Chi hỗ trợ khác				
	Cấp bù học phí				
C	**Tổng số thu, chi nguồn thu khác**				
	Học phí				
	Canteen, giữ xe				
	Cộng	**9.429.348.433**	**9.029.860.797**		

Lập biểu

Chánh Phú Hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÁNH PHÚ HÒA

Nguyễn Thanh Loan

Huỳnh Thị Kim Hoa